

Số: 24/2021/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với nhóm đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ 3

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số 5847/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với nhóm đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với nhóm đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5, Điều 18 và Điều 24 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

b) Nhóm đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP bao gồm: người mắc bệnh ung thư, người chạy thận nhân tạo,

nang tủy thận, người đã phẫu thuật tim, người đã được ghép các cơ quan (ghép gan, ghép thận, ghép tim, ghép tủy, nuôi và ghép sọ não) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình; đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

c) Các cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân khác có liên quan.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.

3. Mức trợ giúp xã hội cho các đối tượng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh bằng 360.000 đồng/tháng nhân với hệ số tương ứng cho từng đối tượng được quy định tại Điều 6, Điều 20 và Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

4. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho nhóm đối tượng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

a) Mức hưởng trợ cấp cho nhóm đối tượng người mắc bệnh ung thư, người chạy thận nhân tạo, nang tủy thận, người đã phẫu thuật tim, người đã được ghép các cơ quan (ghép gan, ghép thận, ghép tim, ghép tủy, nuôi và ghép sọ não) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình bằng 360.000 đồng/tháng nhân với hệ số 1,0.

b) Mức hưởng trợ cấp cho đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bằng 360.000 đồng/tháng nhân với hệ số 1,5.

c) Trường hợp đối tượng hưởng các mức theo các hệ số khác nhau quy định tại điểm a và b khoản 4 Điều này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

d) Cấp thẻ bảo hiểm y tế

Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được hỗ trợ 100% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Trường hợp đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thuộc diện được cấp nhiều loại thẻ bảo hiểm y tế thì chỉ được cấp một thẻ bảo hiểm y tế có quyền lợi bảo hiểm y tế cao nhất.

d) Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến khi có quy định mới của Chính phủ đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng của nhóm đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng.

e) Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tổ chức, triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khoá X - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./. *KW*

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: LĐTB và XH, TP, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TP, LĐTB và XH, TC, KBNN, Cục thống kê, Cục thuế tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**